TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2018/HC-PT
Ngày 16 - 10 - 2018
V/v Khiếu kiện hành vi hành chính, Quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quang Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 72/2018/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2018 về "Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6526/2018/QĐPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

1. Ông Vũ A, sinh năm 1940;

2. Bà Vũ A1, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm A3, sinh năm 1955; trú tại: Số 05/107, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Có mặt ông A tại phiên tòa phúc thẩm.

- *Người bị kiện:*

1. UBND huyện Z, tỉnh Hải Dương;

2. Chủ tịch UBND huyện Z, tỉnh Hải Dương;

Do ông Nguyễn B, Chủ tịch UBND huyện Z tham gia tố tụng, ngày 09/10/2018 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương B1, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Z. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 25/3/2015, đơn bổ sung, lời trình bày trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm của người khởi kiện là ông Vũ A, vợ là bà Vũ A1, của người được ủy quyền là ông Phạm A3 trình bày:

Ông A, bà A1 có 296 m^2 đất ở tại xã Y, huyện Z giáp đường Q, thửa đất mang số 132 bản đồ địa chính số 04 lập năm 2001; đất có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước ngày 21/12/1982 đến nay không có tranh chấp với ai. Khi UBND huyện Z thu hồi đất mở rộng đường, Hội đồng xét duyệt UBND xã Y, huyện Z với đầy đủ các thành phần quân dân chính của xã đã thống nhất kết luận, công nhận diện tích 71,25m^2 Nhà nước thu hồi của gia đình là đất ở, đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003, và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành.

UBND huyện Z lại cho rằng 71,25m^2 đất là đất hành lang bảo vệ an toàn giao thông, từ đó không ra quyết định thu hồi đất đối với 71,25m^2 đất; không phê duyệt bồi thường mà chỉ hỗ trợ là không đúng. Ông A, bà A1 khiếu nại và không được Chủ tịch UBND huyện Z chấp nhận; sau đó Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương có Quyết định 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 giải quyết khiếu nại lần 2, kết luận mặt đường Q rộng là chưa có cơ sở xác đáng nhưng lại công nhận kết quả giải quyết khiếu nại lần 1 của chủ tịch UBND huyện Z, và giao UBND huyện Z tiếp tục rà soát nếu xác định người dân đã sử dụng đất tuy không có giấy tờ nhưng từ thời điểm trước ngày 21/12/1982, đã được thể hiện trên bản đồ 299 thì xem xét bồi thường.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc UBND huyện Z phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với diện tích 71,25 m^2 và phải bồi thường về đất ở theo giá đất thị trường 7.000.000đ/m^2.

- Đề nghị tòa án tuyên hủy quyết định phần giải quyết khiếu nại tại 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Z và phần quyết định giải quyết khiêu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương (phần giải quyết khiếu nại của ông, bà);

Chủ tịch UBND huyện Z trình bày:

Thực hiện các quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 29/3/2006, quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/02/2008 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt

dự án, thu hồi đất phục vụ dự án cải tạo nâng cấp đường Q (Km 12+500 - Km 13+700) đoạn qua xã Y, huyện Z. UBND huyện Z đã ra quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 thành lập Ban giải phóng mặt bằng (Ban GPMB) và triển khai giao nhiệm vụ phối hợp với UBND xã Y tiến hành các quy trình về thu hồi đất như thông báo cho các hộ dân biết, đo đạc kiểm đếm, xác định loại đất, làm phương án đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất, tài sản trên đất. UBND huyện Z căn cứ bản đồ 299 xác định hộ ông A, bà A1 không có tên trên bản đồ; căn cứ vào các quy định về hành lang an toàn giao thông theo nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 ; căn cứ báo cáo của UBND xã Y tại tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 10/5/2007 do đó UBND huyện Z xác định diện tích 71,25 m^2 của ông A, bà A1 đang sử dụng là đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông nên không phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và chỉ hỗ trợ mức 50.000đ/m^2, là đúng. Các nội dung khiếu nại của ông A, bà A1 đã được trả lời tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 Chủ tịch UBND huyện Z là đúng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương trình bày: Khi ông A, bà A1 có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập đoàn cán bộ tiến hành thẩm tra xác minh các quy trình thực hiện đền bù hỗ trợ khi thu hồi đất hộ ông A, bà A1 và hơn 90 hộ dân khác tại thôn X. Căn cứ kết quả xác minh cho thấy việc xác định chiều rộng mặt đường Q mà UBND huyện Z xác định là 12,5 m tuy chưa có cơ sở chính xác nhưng có lợi cho người dân nên chấp nhận phương án này. Tuy nhiên tại Điều 2 Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh đã thận trọng giao cho UBND huyện Z tiến hành ra soát, hoàn thiện hồ sơ, bồi thường bổ sung về đất đối với các hộ nằm trong phạm vi đường rộng 12m nhưng đã sử dụng đất trước ngày 21/12/1982 và đã được thể hiện trên bản đồ 299.

Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương xác định việc ban hành Quyết định nêu trên là đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1.

Đại diện UBND xã Y, huyện Z là ông Nguyễn C trình bày: Các cán bộ UBND xã hiện tại đều là người kế nhiệm những cán bộ trước đây và nhiệm kỳ trước, do vậy UBND xã Y tôn trọng ý kiến, quan điểm của UBND xã tại hội nghị quân dân chính ngày 28/4/2010 mà UBND xã đã gửi Tòa án về việc xác định nguồn gốc đất của hộ ông A, bà A1 và các hộ dân khác và đề nghị nhà nước bồi thường cho họ khi thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo nâng cấp đường Q. UBND xã Y cung cấp văn bản do UBND tổ chức đo đạc xác định diện tích, ranh giới giữa các hộ được làm năm 1993 trong đó có hộ gia đình chuyển nhượng đất mà ông A, bà A1 hiện nay đang sử dụng.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, 193 Luật tố tụng hành chính; khoản 4 Điều 50, khoản 2 Điều 42 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 3 nghị định số 84/2007/NĐ-CP,

khoản 6 Điều 7 nghị định 197/204/NĐ-CP; Nghị định 203/NĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng nay là chính phủ; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án, lệ phí tòa án; Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ A và bà Vũ A1.

- Buộc UBND huyện Z phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với diện tích 71,25 m^2 đất ở của Gia đình ông A để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường Q đoạn qua xã Y (Km 12+500 - Km 13+700) huyện Z.

- UBND huyện Z thực hiện bồi thường diện tích 71,25 m2 đất thu hồi của Gia đình ông A theo quy định của pháp luật.

- Hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Z về nội dung không công nhận khiếu nại của ông Vũ A và bà Vũ A1.

- Hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về nội dung không công nhận khiêu nại của ông Vũ A và bà Vũ A1.

Bản án còn có quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo ngày 06/10/2018, UBND huyện Z cho rằng nhận định của bản án sơ thẩm về chiều rộng mặt đường là không có cơ sở và căn cứ biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 28/4/2010 trong khi biên bản này đã được thay thế bằng biên bản 06/10/2010. Bản án sơ thẩm trích không đúng nội dung Quyết định 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014. Thực tế 71,25m^2 thu hồi phục vụ dự án không sử dụng đến đất của thửa 132 diện tích 296m^2 của ông A, bà A1 đã được đo đạc theo bản đồ 2001.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện xác định không rút đơn khởi kiện; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Vũ A xác nhận: Ông có ký biên bản đo đạc ngày 21/6/2006, đã nhận tiền hỗ trợ. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu UBND huyện Z phải có Quyết định thu hồi 71,25m^2 và bồi thường cho gia đình với giá đất ở vì gia đình sử dụng đất từ trước 1982, đất thu hồi không thuộc đất giao thông như UBND huyện Z nêu.

UBND huyện Z trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo. Theo kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 19/10/2018 đã thể hiện rõ, do đó không có cơ sở xác định gia đình đã sử dụng ổn định 71,25m^2 trước năm 1981. Gia đình có sự nhầm lẫn không xác định được vị trí đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp đủ điều kiện được bồi thường và phần đất thực tế sử dụng do lấn chiếm đất hành lang giao thông do UBND quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính kể từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án:

Theo biên bản họp hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã Y ngày 06/10/2010 thì gia đình ông A có 266m^2 hợp pháp đang sử dụng và đóng thuế, diện tích thu hồi là 71,25m^2. Theo biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 (ông A ký) thì 71,25m^2 đất thu hồi là phần vượt lập, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông A thừa nhận đã nhận tiền vượt lập đất. Theo đo đạc ngày 19/9/2018, hiện trạng sử dụng thừa 182m^2 so với đo đạc năm 2001 (thừa phía trước 108m^2, thừa phía sau 74m^2). Như vậy, 71,25m^2 phía trước đã thu hồi là thuộc đất giao thông do UBND quản lý, không thuộc đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông A. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Vũ A, bà Vũ A1 cho rằng có 71,25m^2 đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp nằm trong 2.434m^2 đất UBND huyện Z thu hồi tại Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/2/2008 để mở rộng đường Q, nhưng UBND huyện Z không ban hành Quyết định thu hồi và không bồi thường về đất ở, nên ông, bà đã cùng với các hộ dân khác khiếu nại và được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ- UBND ngày 23/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Z, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại, ngày 25/3/2015, ông Vũ A, bà Vũ A1 có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 và Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 23/3/2013 phần đối với gia đình ông; yêu cầu buộc UBND huyện Z phải ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ 71,25m^2 đất ở cho gia đình. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính, thụ lý giải quyết sơ thẩm vụ án hành chính.

[2] Về thẩm quyền:

UBND huyện Z thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003 theo đúng thẩm quyền thu hồi đất; Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương đã có văn bản giải quyết khiếu nại đúng thẩm quyền quy định tại Điều 138 Luật đất đai 2003, Điều 204 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại.

[3] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Z:

[3.1] Xem xét về tính hợp pháp khi thực hiện thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Z:

- Về nguồn gốc đất và hồ sơ địa chính:

Hộ gia đình ông Vũ A sử dụng thửa đất giáp đường Q có nguồn gốc được UBND giao sử dụng từ năm 1981 đến nay, nhưng gia đình không còn giấy tờ giao đất, chưa được cấp GCNQSD đất.

Đo đạc địa chính ngày 12/01/1993, gia đình sử dụng đất ở số thửa 309 diện tích 168m^2. Ông A ký xác nhận hiện trạng (bút lục số 263);

Biên bản xác định ranh giới, mốc giới theo hiện trạng sử dụng do UBND xã Y đo đạc vào tháng 10/2001, hiện trạng gia đình sử dụng thửa đất mang số 132, diện tích 296m^2 . Ông A cùng với chủ sử dụng đất giáp ranh, cán bộ đo đạc và đại diện UBND xã đều ký vào biên bản (bút lục số 262).

- Về quá trình đo đạc xác định diện tích đất thu hồi:

Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 do Ban giải phóng mặt bằng huyện Z thực hiện (ông A ký biên bản), **đo từ tim đường ra 3m**, 71,25m^2 đất thuộc vị trí mở rộng đường nhưng không đo phần đất còn lại của gia đình đang sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A thừa nhận đất thu hồi đúng theo biên bản này.

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Quyết định số 4680/QĐ-UTTTCC ngày 18/7/2018 ủy thác cho TAND tỉnh Hải Dương thực hiện xem xét thẩm định tại chỗ xác định khoảng cách từ tim đường Q đến diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng; tổng diện tích đất sử dụng so với bản đồ năm 2001. Kết quả đo đạc thẩm định ngày 19/9/2018 thể hiện: **Đo từ tim đường ra 5,12m,** tổng diện tích gia đình ông A sử dụng là 478m^2 so với đo đạc năm 2001, diện tích tăng về phía mặt đường 108m^2, tăng phía sau 74m^2. Đối chiếu với vị trí sơ đồ 71,25m^2 đất tại Biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006, phần đất đã mở rộng đường nằm ngoài diện tích đất hiện trạng đo đạc 2001.

Như vậy, với nguồn gốc đất và đo đạc địa chính như trên, thì không có cơ sở xác định 71,25m^2 đất bị ảnh hưởng khi làm đường giao thông năm 2008, là thuộc đất ở hợp pháp của gia đình.

- "Biên bản họp Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất các hộ nằm trong diện GPMB đường Q xã Y" do UBND xã Y lập ngày 28/4/2010 có nội dung: Gia đình đang quản lý sử dụng ổn định không tranh chấp, nộp thuế đất ở 296m^2, *gia đình còn lại sau khi GPMB là 224,75m^2*, nhưng không có tài liệu thể hiện việc này. UBND huyện Z đã yêu cầu UBND xã xác định lại diện tích hộ gia đình bị ảnh hưởng căn cứ Bản đồ 299. Nhưng ngày 06/10/2010, UBND xã Y lập "Biên bản họp Hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất các hộ nằm trong diện GPMB đường Q xã Y", chỉ có nội dung xác định gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp, nộp thuế đất ở 296m^2, không có nội dung xác định diện tích còn lại của gia đình bao nhiêu m^2 và không xác định vị trí 71,25m^2 bị ảnh hưởng bởi đường giao thông.

Như vậy, biên bản ngày 28/4/2010 của UBND xã Y xác định 71,25m^2 đất này thuộc phần gia đình sử dụng trước 1981, là không đúng thực tế, không phù hợp sổ sách địa chính đo đạc thửa đất gia đình sử dụng qua các thời kỳ. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, hồ sơ đo đạc qua các thời kỳ, mà chỉ căn cứ Biên bản lập ngày 28/4/2010 của UBND xã Y và việc xác định chiều rộng đường để quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không phù hợp.

- Với các phân tích nêu trên, căn cứ Điều 42, Điều 43, Điều 44 Luật Đất đai 2003 và hướng dẫn thi hành, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về việc buộc UBND huyện Z phải ban hành Quyết định thu hồi và phải bồi thường 71,27m^2 đất ở. Thực tế, gia đình đã nhận tiền hỗ trợ công vượt lập đất là bảo đảm quyền lợi.

[3.2] Do đó, cũng không có căn cứ hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương theo yêu cầu của người khởi kiện.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo Chủ tịch UBND huyện Z, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[5]Ông Vũ A, bà Vũ A1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

Chi phí thẩm định tại chỗ: UBND huyện Z tự nguyện chịu nên không buộc ông Vũ A, và Vũ A1 phải hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; Điều 242; khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Z. Sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 138 Luật đất đai 2003; Điều 204 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại; Điều 38, khoản 1 Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 50 Luật đất đai 2003; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ hướng dẫn Luật đất đai:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ A, bà Vũ A1 về việc yêu cầu UBND huyện Z phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường về đất đối với diện tích 71,25 m^2 đất ở để phục vụ dự án cải tạo, nâng cấp đường Q đoạn qua xã Y (Km 12+500 - Km 13+700) huyện Z; yêu cầu hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch

UBND huyện Z và hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về nội dung không công nhận khiếu nại của ông Vũ A và bà Vũ A1.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ A, bà Vũ A1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai số 0003315 ngày 10/3/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả Ủy ban nhân dân huyện Z 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0002314 ngày 09/10/2017.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/10/2018.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương